

Số: 2096/TTr-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 11 năm 2025

## TỜ TRÌNH

### Về việc trình Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 như sau:

#### 1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý

Tại điểm b khoản 2 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định “UBND cấp tỉnh lập báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường của địa phương 05 năm một lần”; tại điểm a khoản 4 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định “Báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường cấp tỉnh được trình HĐND tỉnh cùng cấp tại kỳ họp thường lệ cuối năm của năm cuối cùng của nhiệm kỳ”. Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 đánh giá tổng quan về hiện trạng môi trường, từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, các nguồn tác động chính lên môi trường, diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí và đa dạng sinh học; đánh giá những kết quả đạt được và thách thức trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường,... Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện tốt các hoạt động quản lý, bảo vệ, kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Vì vậy, việc xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 là cần thiết.

#### 2. Bố cục và nội dung cơ bản của báo cáo

Báo cáo được lập theo bố cục quy định tại Biểu mẫu số 07 Phụ lục VI Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm:

Chương I. Tổng quan về đặc điểm điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị

Chương II. Sức ép của phát triển kinh tế - xã hội đối với môi trường

Chương III. Hiện trạng môi trường nước

Chương IV. Hiện trạng môi trường không khí

Chương V. Hiện trạng môi trường đất

Chương VI. Hiện trạng đa dạng sinh học

Chương VII. Quản lý chất thải rắn

Chương VIII. Biến đổi khí hậu, thiên tai, sự cố môi trường

Chương IX. Tác động của ô nhiễm môi trường

Chương X. Quản lý môi trường

Chương XI. Các thách thức trong bảo vệ môi trường, phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường trong 5 năm tới

Kết luận, kiến nghị.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Gửi kèm theo: Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Nam**

**BÁO CÁO TÓM TẮT  
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

**I. Căn cứ thực hiện:**

- Căn cứ điểm b khoản 2 điều 120 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 “UBND cấp tỉnh lập báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường của địa phương 05 năm một lần; hàng năm, lập báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; căn cứ các vấn đề bức xúc về môi trường của địa phương, UBND cấp tỉnh có thể quyết định lập thêm báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường trên địa bàn”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 “Báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường cấp tỉnh được trình HĐND cùng cấp tại kỳ họp thường lệ cuối năm của năm cuối cùng của nhiệm kỳ”.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 68 thông tư 02 của Bộ TNMT “Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) giúp UBND cấp tỉnh lập báo cáo tổng quan và báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường của địa phương theo quy định tại khoản 2 điều 120 Luật Bảo vệ Môi trường”

**II. Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 được xây dựng theo mẫu số 07 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:**

(1) Tổng quan về đặc điểm điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (2) Sức ép của phát triển kinh tế - xã hội đối với môi trường; (3) Hiện trạng các thành phần môi trường nước, không khí, đất, đa dạng sinh học, quản lý chất thải rắn, biến đổi khí hậu, thiên tai và sự cố môi trường; (4) Tác động của ô nhiễm môi trường; (5) Quản lý môi trường; (6) Các thách thức trong bảo vệ môi trường, phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường trong 5 năm tới.

**III. Báo cáo tóm tắt Hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025:**

**1. Đánh giá, nhận định những kết quả nổi bật đã đạt được trong 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.**

Những năm qua, cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường nên công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước được tăng cường; các ngành và địa phương ngoài thực hiện đúng các quy định về phân cấp quản lý còn có sự phối hợp khá tốt trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường; các điểm nóng về ô nhiễm môi trường cơ bản đã

được kiểm soát, xử lý; tình trạng ô nhiễm môi trường kéo dài tại một số cơ sở sản xuất đã được chấm dứt, không phát sinh các điểm nóng mới hoặc các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân từng bước được nâng cao; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã chú trọng đầu tư các công trình xử lý môi trường, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được chú trọng về chất lượng và đã dần trở thành công cụ quản lý hiệu quả; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 và Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ cơ bản đã được xử lý; các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao theo Quyết định 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ cơ bản đã được xử lý. Kết quả đó thể hiện ở một số mặt sau:

- Rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 88,48% (trong đó khu vực đô thị đạt 91%); chất thải y tế được thu gom xử lý đúng quy định 100%; chất thải nguy hại cơ bản được kiểm soát và xử lý đúng quy định; nước thải đô thị đã được thu gom xử lý được trên 60%.

- 31/33 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 và Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ đã được xử lý, đạt tỷ lệ 93,93% (còn 02 điểm chưa được xử lý là: Chợ Ba Đồn và Bãi rác cũ thành phố Đông Hà).

- 16/17 điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao theo Quyết định 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ đã được xử lý, đạt tỷ lệ 94,11% (còn điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thôn Văn Bắc, xã Quảng Hải, huyện Quảng Trạch cũ chưa được xử lý).

- Kết quả quan trắc chất lượng các thành phần môi trường gồm: Môi trường không khí, nước sông, nước hồ, nước biển ven bờ, nước dưới đất, môi trường đất trong 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy, chất lượng môi trường của tỉnh chưa có dấu hiệu ô nhiễm cần phải quan tâm xử lý. Tuy nhiên, hiện tượng ô nhiễm môi trường cục bộ tại một số cơ sở sản xuất vẫn còn xảy ra nhưng đã được phát hiện và xử lý kịp thời.

## **2. Những tồn tại, hạn chế.**

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên, môi trường tỉnh vẫn đang đứng trước những thách thức to lớn và vấn đề cấp bách cần được tập trung giải quyết, xử lý như:

- Áp lực từ chất thải từ sản xuất công, nông nghiệp và sinh hoạt ngày càng gia tăng; Các khu vực ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật từ thời kỳ Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tập trung gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống nhân dân cần được xử lý; Áp lực giải quyết nước thải sinh hoạt khu vực đô thị, khu dân cư tập trung...

- Việc thực hiện chính sách và pháp luật bảo vệ môi trường, hay trách nhiệm với xã hội tại các doanh nghiệp vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập như nguồn lực doanh nghiệp còn khó khăn, bên cạnh đó một số doanh nghiệp chưa nhận thức đúng hoặc chưa chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường đúng mức.

- Việc quy hoạch, phát triển đô thị và các KCN, CCN, làng nghề chưa đồng bộ với đầu tư hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường; đến nay có 13/15 KCN có cơ sở hoạt động chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và hầu hết các CCN cũng chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung dẫn đến gây khó khăn cho các nhà đầu tư.

- Công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt vẫn chưa đảm bảo hiệu quả, chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu được xử lý bằng hình thức chôn lấp đảm bảo vệ sinh, nên chưa đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường là giảm tỷ lệ chôn lấp, tăng tỷ lệ xử lý thu hồi năng lượng. Trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở xử lý chất thải nguy hại, nên gây khó khăn cho các cơ sở phát sinh chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống chính sách, văn bản quản lý về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương cơ bản đã được ban hành. Tuy nhiên, các văn bản thường xuyên thay đổi, điều chỉnh, cập nhật nên cần thời gian tiếp cận để thực hiện. Đặc biệt trong bối cảnh sáp nhập tỉnh các văn bản pháp luật cần phải được điều chỉnh để phù hợp với đơn vị hành chính mới.

- Nhân lực phục vụ công tác quản lý môi trường cấp xã còn thiếu và yếu về chuyên môn nên công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường chưa được thường xuyên, kịp thời.

### **3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan).**

- Do ngân sách của tỉnh còn hạn chế, nguồn lực tài chính thực hiện quản lý chất thải ở khu vực công ích chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, hạ tầng môi trường (xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt) đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu; huy động nguồn lực xã hội hoá chưa hiệu quả, nên chưa đáp ứng được yêu cầu công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cùng với quá trình phát triển, nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường ngày càng tăng và phức tạp, yêu cầu bảo vệ môi trường ngày càng cao. Tuy nhiên, lực lượng cán bộ làm công tác quản lý môi trường, đặc biệt là cấp xã còn mỏng, nên chưa đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý môi trường của địa phương.

- Nguồn lực doanh nghiệp, nhận thức còn hạn chế, nên việc đảm bảo hài hòa về phát triển sản xuất và bảo vệ môi trường còn gặp khó khăn, đặc biệt là nguồn lực tài chính, khoa học, công nghệ. Nhiều doanh nghiệp còn đặt lợi ích tài chính lên trước yêu cầu bảo vệ môi trường, dẫn đến ô nhiễm môi trường cục bộ, mang tính tức thời vẫn còn diễn ra tại một số nhà máy, cơ sở sản xuất do công trình xử lý môi trường gặp sự cố; một số cơ sở sản xuất vận hành công trình xử lý môi trường còn mang tính chất đôi phó; một số cơ sở sản xuất nguồn lực tài

chính còn hạn chế nên gặp khó khăn trong đầu tư các hạng mục bảo vệ môi trường.

#### **4. Phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030**

Để công tác bảo vệ môi trường ngày càng phát huy hiệu quả, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững, một số nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới được đề xuất:

- Rà soát, điều chỉnh các văn bản của địa phương liên quan đến bảo vệ môi trường nhằm hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành để đảm bảo phù hợp với đơn vị hành chính mới.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có cơ cấu hợp lý, đặc biệt là cán bộ cấp xã.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính nghiêm minh và hiệu quả của pháp luật.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích người dân tham gia giám sát, phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường hiệu quả tại các địa phương, cộng đồng dân cư.

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng cơ sở phục vụ cho công tác phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho tất cả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực đô thị và làng nghề đảm bảo theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng, thiết bị để nâng cao năng lực hoạt động quan trắc, giám sát và cảnh báo ô nhiễm môi trường; xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về bảo vệ môi trường nhất là đối với chất thải rắn sinh hoạt, giảm dần tỷ lệ hỗ trợ từ nhà nước; khuyến khích và thu hút đầu tư tư nhân đối với các dự án thu gom xử lý rác thải, tái chế rác thải, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp...

- Tăng cường năng lực tài chính cho công tác bảo vệ môi trường của tỉnh; xử lý triệt để các vấn đề ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh sau sáp nhập, đặc biệt là các khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; các điểm ô nhiễm do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật....

- Tăng cường các hoạt động xuyên biên giới trong quá trình hội nhập để ngăn chặn hiệu quả nguy cơ nước ta trở thành điểm đến của rác thải giá trị thấp tiềm ẩn ô nhiễm môi trường và là bãi thải công nghệ, hoặc mất kiểm soát của sinh vật ngoại lai.

## **5. Kiến nghị**

### **5.1. Kiến nghị đối với Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan:**

- Đề nghị rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh sau sáp nhập.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư và khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm như miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi, hỗ trợ tài chính đối với các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn, đổi mới công nghệ, tái chế, tái sử dụng chất thải, xử lý ô nhiễm, thu hồi sản phẩm thải bỏ.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng, quỹ bảo vệ môi trường cho vay tín dụng, ưu đãi ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng nhà nước cho các cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu vay vốn đầu tư hạ tầng, đặc biệt đối với các công trình xử lý chất thải nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh các chính sách khuyến khích, hỗ trợ trong công tác quản lý chất thải; cơ chế hỗ trợ phát triển các tổ chức dịch vụ môi trường đô thị.

- Tỉnh Quảng Trị (trước và sau sáp nhập) là tỉnh có nguồn thu ngân sách thấp nên việc chi 1% kinh phí cho sự nghiệp môi trường chưa đủ để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đề ra. Đề nghị Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ nguồn vốn đầu tư để thực hiện một số dự án trọng điểm về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn địa phương triển khai đồng bộ và hiệu quả các chính sách, quy định pháp luật, gắn kết chặt chẽ việc phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo tính chủ động, kịp thời trong quá trình quản lý, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hỗ trợ kinh phí đầu tư hệ thống quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục tại các khu vực nhạy cảm về môi trường.

### **5.2. Kiến nghị đối với Hội đồng nhân dân tỉnh:**

Đề nghị HĐND tỉnh quan tâm xây dựng cơ chế chính sách để hỗ trợ nguồn lực khuyến khích công tác bảo vệ môi trường và thu hút xã hội hóa đối với các dự án thu gom xử lý rác thải, tái chế rác thải, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp...

Trên đây là Báo cáo tóm tắt hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh.

(Gửi kèm theo toàn văn Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025)./.